

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2025/DS - ST

Ngày: 31 - 3 - 2025

V/v tranh chấp “Chia thừa kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thế Khải**

Bà Nguyễn Thị Đầu

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 31 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “Chia thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST- DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trần Thị Kim P**, Văn phòng L, chi nhánh G1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh T. (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Nguyễn Thị Gái E**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2.2. Ông **Nguyen Van H (Nguyễn Văn H1)**, sinh năm 1960. Quốc tịch: Canada. (vắng mặt).

Địa chỉ: F Young RD P, NB . E, Canada.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 29/11/2024)

2.3. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2.4. Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2.5. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2.6. Ông **Nguyễn Tiến E1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt).

2.7. Ông **Nguyễn Quốc T1**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của ông Q, ông T, ông Tiến E1, ông T1:*
Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền ngày 07/6/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

3.2. Ông **Nguyễn Văn B1**, sinh năm 1962 (chết năm 2022).

- *Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B1:*

3.2.1. Bà **Võ Thị T3**, sinh năm 1961.

3.2.2. Chị **Nguyễn Thị Mỹ H2**, sinh năm 1982.

3.2.3. Chị **Nguyễn Thị H3**, sinh năm 1987.

3.2.4. Chị **Nguyễn Thị T4**, sinh năm 1995.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị H2, chị H3, chị T4:* Bà **Võ Thị T3**, sinh năm 1961.

(Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 05/6/2024)

Cùng địa chỉ: Khu phố L, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

3.3. Ông **Nguyễn Văn H4**, sinh năm 1979 (chết năm 2018);

- *Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn H4:* Anh **Phan Văn T5**, sinh ngày 14/11/2005.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

3.4. **Ngân Hàng N.**

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Toàn V. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Lê Văn Q1**. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện G, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Nguyễn Thị G trình bày:

Cha mẹ của nguyên đơn và các bị đơn là cụ Nguyễn Văn H5, chết ngày 26/12/2022 và cụ Phạm Thị C, chết ngày 13/10/2009. Cụ H5 và cụ C có tổng cộng 11 người con gồm: Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Tiến E1, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Văn H4.

Ông Nguyễn Văn B1 chết ngày 21/12/2022, hàng thừa kế của ông B1 gồm có 03 người con ruột là Nguyễn Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị T4, vợ là Võ Thị T3.

Ông Nguyễn Văn H4 chết ngày 18/7/2018, hàng thừa kế của ông H4 gồm có 01 người con ruột là Phan Văn T5.

Cụ H5 có đứng tên quyền sử dụng đất thừa số 34, tờ bản đồ 5, diện tích 497,1m², loại đất thổ + cây lâu năm (trong đó có 300m² đất thổ), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00536 cấp ngày 16/02/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn H5, đất tọa lạc tại khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào xác nhận tàng thư hộ khẩu số 75/CAH-QLHC ngày 02/02/2023 của Công an huyện G thì thời điểm ngày 16/02/2004, hộ của ông Nguyễn Văn H5 có 02 thành viên gồm: ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Gái E (con ruột cụ H5).

Di sản cụ H5 để lại gồm có:

- Phần quyền sử dụng đất trong thửa số 34, tờ bản đồ 5, diện tích 497,1m², loại đất thổ + cây lâu năm (trong đó có 300m² đất thổ cư), theo Giấy chứng nhận số 00536 cấp ngày 16/02/2004 cho hộ cụ Nguyễn Văn H5.

- 02 sổ tiết kiệm tại Ngân Hàng N gồm sổ số AD00019830306 ngày 06/6/2022 số tiền 100.000.000 đồng và sổ số AD00019830307 ngày 06/6/2022 số tiền 1.400.000.000 đồng và tiền lãi theo sổ tiết kiệm.

Trên phần đất thửa 34 có 01 căn nhà cấp 4, căn nhà này do bà G sửa chữa toàn bộ căn nhà trên và xây mới nhà sau hoàn toàn.

Cụ H5 có lập tờ di chúc ngày 01/9/2016 tại Phòng C1 để lại toàn bộ phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của cụ H5 và cụ C cho con ruột là bà Nguyễn Thị G.

Riêng đối với số tiền tiết kiệm 1.500.000.000 đồng thì cụ H5 không để lại di chúc. Bà G là người sống chung, trực tiếp phụng dưỡng cha mẹ cho đến khi cha mẹ bà qua đời, địa phương làng xóm đều biết. Sau khi cụ H5 qua đời thì các anh em trong gia đình không thống nhất việc phân chia đối với di sản của cụ H5 để lại.

Ngày 23/6/2023, bà G khởi kiện yêu cầu như sau:

- Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình đối với thửa số 34, tờ bản đồ 5 diện tích 497,1m² loại đất thổ cây lâu năm (trong đó có 300m² đất thổ cư) theo giấy chứng nhận số 00536 cấp ngày 16/02/2004 cho hộ cụ Nguyễn Văn H5, đất tọa lạc tại Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang

cho cụ Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Gái E mỗi người được diện tích $248,55\text{m}^2$ loại đất ở cây lâu năm (trong đó có 150m^2 đất thổ cư).

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn H5 để lại gồm có:

- + Diện tích $248,55\text{m}^2$ loại đất ở cây lâu năm (trong đó có 150m^2 đất thổ cư) thuộc thửa số 34;

- + 02 sổ tiết kiệm tại Ngân Hàng N gồm sổ số AD00019830306 ngày 06/6/2022 số tiền 100.000.000đ và sổ số AD00019830307 ngày 06/6/2022 số tiền 1.400.000.000đ và tiền lãi theo sổ tiết kiệm.

- Chia thừa kế theo di chúc ngày 01/9/2016 để cho bà G được thừa hưởng trọn diện tích đất $248,55\text{m}^2$ (trong đó có 150m^2 đất thổ cư) thuộc thửa số 34, tờ bản đồ 5 nêu trên.

- Bà G đề nghị được nhận toàn bộ thửa đất số 34 và thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị Gái E phần quyền tài sản chung của bà bằng tiền.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với số tiền cụ H5 gửi tiết kiệm tại Ngân Hàng N thành 11 kỷ phần bằng nhau cho 11 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn H5 mỗi người được hưởng một kỷ phần bằng nhau.

- Bà G được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

Tại phiên hòa giải ngày 21/11/2024, bà G thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Xác định phần đất thuộc thửa số 34, tờ bản đồ 5, diện tích $497,1\text{m}^2$ (đo đạc thực tế $460,5\text{m}^2$), loại đất thổ và cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất thổ cư), tọa lạc tại Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Phạm Thị C mỗi người được diện tích $230,25\text{m}^2$ (trong đó có 150m^2 đất thổ cư).

- Chia thừa kế theo di chúc ngày 01/9/2016 tại Phòng C1 (số công chứng 3123, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD) để cho bà G được thừa hưởng trọn diện tích đất $230,25\text{m}^2$ (trong đó có 150m^2 đất thổ cư) của cụ Nguyễn Văn H5 để lại cho bà G.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Phạm Thị C để lại là $230,25\text{m}^2$ (trong đó có 150m^2 đất thổ cư) nằm trong thửa 34, tờ bản đồ 5 nêu trên.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất và tài sản trên đất.

Các yêu cầu khởi kiện còn lại bà G giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn Nguyễn Thị Gái E trình bày:

Thống nhất với bà Nguyễn Thị G về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn H5 cũng như thừa kế của ông B1 và ông H4.

Đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ 5, diện tích $497,1\text{m}^2$, loại đất thổ + cây lâu năm (trong đó có 300m^2 đất thổ cư) theo giấy chứng nhận số 00536 cấp ngày 16/02/2004 cho hộ cụ Nguyễn Văn H5, đất tọa lạc tại Khu phố A, thị trấn V,

huyện G, tỉnh Tiền Giang bà yêu cầu được nhận 1/2 thửa đất (nhận bằng giá trị). Không đồng ý với yêu cầu của bà G.

Đối với số tiền tiết kiệm cụ H5 gửi tại Ngân hàng N bà đồng ý chia theo yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại tờ tường trình 10/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Tiến E1, Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Văn H1 cùng ủy quyền cho đồng bị đơn Nguyễn Văn B trình bày:

Thông nhất với bà G về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn H5 cũng như thừa kế thế vị của ông B1 và ông H4.

Các ông không tranh chấp đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ 5, diện tích 497,1m² theo Giấy chứng nhận số 00536 cấp ngày 16/02/2004 cho hộ cụ Nguyễn Văn H5, đất tọa lạc tại Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đối với số tiền tiết kiệm cụ H5 gửi tại Ngân hàng N các ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà G.

Tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T2; Bà Võ Thị T3 là đại diện theo ủy quyền của Nguyễn Thị Mỹ H2, Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị T4; Anh Phan Văn T5 thống nhất trình bày:

Thông nhất với bà G về hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn H5 cũng như thừa kế thế vị của ông B1 và ông H4. Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại công văn số 39/NHN_o.GCD-TH ngày 19/4/2024 của Ngân hàng N chi nhánh G (Ngân hàng) trình bày:

Ông Nguyễn Văn H5 có gửi tại Ngân hàng gồm 02 sổ tiết kiệm như sau:

+ Sổ số AD00019830306 ngày 06/06/2022, số tiền 100.000.000 đồng, lãi đến thời điểm 19/04/2024 là 6.284.700 đồng và lãi đến ngày 06/05/2024 (thời điểm đến hạn) là 6.408.100d.

+ Sổ số AD00019830307 ngày 06/06/2022, số tiền 1.400.000.000 đồng, lãi đến thời điểm 19/04/2024 là 82.378.500 đồng và lãi đến ngày 06/06/2024 (thời điểm đến hạn) là 174.766.700 đồng

Tổng số dư 02 sổ tiết kiệm đến thời điểm 19/04/2024 là 1.588.663.200 đồng (gốc 1.500.000.000d, lãi 88.663.200d) và tổng số dư 02 sổ sổ tiết kiệm khi đến hạn là 1.681.174.800 đồng (gốc 1.500.000.000 đồng, lãi 181.174.800 đồng).

Do ông Nguyễn Văn H5 đã chết và các đồng sở hữu có tranh chấp chia thừa kế nên Ngân hàng sẽ thực hiện tất toán các sổ tiết kiệm trên theo đúng qui định pháp luật hoặc khi có quyết định của Tòa án.

Vì thế Ngân hàng sẽ không tham gia vụ kiện, không có ý kiến trong việc tranh chấp và xin được vắng mặt trong suốt quá trình xét xử.

Tại Công văn số 03/NHNo.GCD-TH ngày 18/3/2025 của Ngân hàng N chi nhánh G kèm theo bản tính lãi tiền gửi tiết kiệm của khách hàng Nguyễn Văn H5 tính đến ngày 25/3/2025 như sau:

-Số số : AD00019830306, ngày gửi 06/6/2022, số tiền gửi 100.000.000 đồng, lãi đến thời điểm 25/3/2025 là 8.006.000 đồng.

Số số: AD00019830307, ngày gửi 06/06/2022, số tiền gửi 1.400.000.000 đồng, lãi đến thời điểm 25/3/2025 là 177.286.300 đồng.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn không đồng ý với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Phần đất thuộc thửa số 34, tờ bản đồ 5 diện tích 497,1m² loại đất thổ cây lâu năm trong đó có 300m² đất thổ cư, đo đạc thực tế 460,5m² theo giấy chứng nhận số 00536 cấp ngày 16/02/2004 cho hộ cụ Nguyễn Văn H5 là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Phạm Thị C chết để lại. Trong đó, cụ H5 có lập di chúc ngày 01/9/2016 tại Phòng C1 (số công chứng 3123, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD) để cho bà G được thừa hưởng trọn phần tài sản của cụ H5 để lại. Đối với 1/2 thửa đất số 34 là di sản thừa kế của cụ Phạm Thị C, cụ C chết không có di chúc, nên đề nghị chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất và tài sản trên đất. Đối với 02 sổ tiết kiệm và tiền lãi gửi tiết kiệm do cụ H5 để lại, các đương sự thống nhất chia đều cho 11 người nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G là có căn cứ phù hợp pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là tranh chấp “Chia di sản thừa kế” theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 đang sinh sống tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.3. Ngân hàng N – Chi nhánh G có đơn xin vắng mặt, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.4. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải ngày 21/11/2024 và tại phiên tòa ngày 11/02/2025, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Xét việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung khởi kiện, xét thấy:

2.1. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Văn H5 chết ngày 26/12/2022. Cụ Phạm Thị C chết ngày 13/10/2009. Ngày 23/6/2023 bà Nguyễn Thị G có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ H5 và cụ C theo di chúc và theo pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự thì đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị G còn trong thời hiệu khởi kiện.

2.2. Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ H5 và cụ C có 11 người gồm: Nguyễn Văn H1, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Thị T2, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn T, Nguyễn Tiến E1, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Quốc T1, Nguyễn Văn H4.

Ông Nguyễn Văn B1 chết ngày 21/12/2022, thời điểm mở thừa kế là ngày 21/12/2022. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn B1 gồm có bà Võ Thị T3, chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4.

Ông Nguyễn Văn H4 chết ngày 18/7/2018, thời điểm mở thừa kế là ngày 18/7/2018. Hàng thừa kế thứ nhất của ông H4 là anh Phan Văn T5. Anh T5 là con chung của bà Phan Thị T6 và ông Nguyễn Văn H4 nhưng bà T6 với ông H4 không có đăng ký kết hôn nên bà T6 không thuộc hàng thừa kế của ông Nguyễn Văn H4.

2.3. Về di sản thừa kế: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất xác định:

- Thừa đất số 34, tờ bản đồ 5, diện tích 497,1m², loại đất ở và cây lâu năm trong đó có 300m² đất ở (đo đạc thực tế 460,5m²), địa chỉ thửa đất: khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00536 ngày 16/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H5.

Tại thời điểm cấp giấy, hộ ông Nguyễn Văn H5 gồm có 02 thành viên là ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Gái E nhưng bà G Em không có công sức tạo lập thửa đất này và không có yêu cầu chia tài sản chung của hộ. Các đương sự xác định thửa đất nêu trên là tài sản chung và cũng là di sản của cụ H5 và cụ C chết để lại.

Căn cứ vào Chứng thư thẩm định giá ngày 04/9/2024 của Công ty Cổ phần giám định, thẩm định S, thửa đất trên được định giá như sau:

Đất ở đô thị: $9.047.000 \text{ đồng/m}^2 \times 300\text{m}^2 = 2.714.100.000 \text{ đồng}$.

Đất trồng cây lâu năm: $7.102.000 \text{ đồng/m}^2 \times 160,5\text{m}^2 = 1.139.871.000 \text{ đồng}$.

Tổng trị giá của thửa đất là: $2.714.100.000 \text{ đồng} + 1.139.871.000 \text{ đồng} = 3.853.971.000 \text{ đồng}$ (Ba tỷ, tám trăm năm mươi ba triệu, chín trăm bảy mươi một ngàn đồng).

Như vậy, phần di sản của mỗi cụ là: $3.853.971.000 \text{ đồng} : 2 = 1.926.985.000 \text{ đồng}$ (Một tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Tại phiên toà các đương sự thống nhất với kết quả định giá, không yêu cầu định giá lại.

- Đối với 02 sổ tiết kiệm tại Ngân hàng N – Chi nhánh G gồm:

Sổ số: AD00019830306 ngày 06/6/2022, số tiền gửi 100.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/3/2025 là 8.006.000 đồng. Cộng gốc và lãi là 108.006.000 đồng.

Sổ số: AD00019830307 ngày 06/6/2022, số tiền gửi 1.400.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/3/2025 là 177.286.300 đồng. Cộng gốc và lãi là: 1.577.286.300 đồng.

Tổng số tiền của 02 sổ là: $108.006.000 \text{ đồng} + 1.577.286.300 \text{ đồng} = 1.685.292.300 \text{ đồng}$ (Một tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, ba trăm đồng).

Các đương sự xác định số tiền này là di sản của một mình cụ H5.

- Đối với căn nhà gắn liền với thửa đất 34, tờ bản đồ số 5: Các đương sự thống nhất xác định căn nhà được xây dựng lại mới vào năm 2012 sau khi cụ C mất. Bà G cho rằng, căn nhà là do bà bỏ tiền ra xây cất, bà G có cung cấp xác nhận đề ngày 03/3/2025 với nội dung ông Văn Quốc V1 có kinh doanh, mua bán vật liệu xây dựng và tờ xác nhận ngày 16/02/2025 trong đó có nội dung ông Phạm Minh T7 xác nhận có nhận tiền làm nhà từ bà G với số tiền 76.000.000 đồng. Trình bày trên của bà G không được bà Gái E và ông B đồng ý. Bà Gái E và ông B cho rằng căn nhà trên đất là do cụ H5 xây cất, bà G chỉ quản lý tiền và thay mặt cụ H5 trả tiền thợ. Tuy nhiên, tại phiên toà các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bà G yêu cầu xác định di sản thừa kế của cụ H5 và cụ C chết để lại như đã nêu tại Mục 2.3 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C và cụ H5 chết để lại, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cụ Chở chết ngày 13/10/2009 không để lại di chúc, thời điểm mở thừa kế là ngày 13/10/2009, di sản của cụ C chết để lại là $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa 34, tờ bản đồ số 5 được định giá là 1.926.985.000 đồng. Tại phiên toà các đương sự

thống nhất cho bà G được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật, các đồng thừa kế của bà G xin nhận bằng giá trị nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét thấy tại thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế thứ nhất của cụ C gồm chồng và các con của cụ C, nên di sản của cụ C được chia thành 12 phần bằng nhau, mỗi kỹ phần thừa kế được hưởng là 160.582.125 đồng. Bà G được chia bằng hiện vật là $\frac{1}{2}$ diện tích đất của thửa 34, đồng thời bà G phải có nghĩa vụ chia cho các đồng thừa kế của bà G mỗi người được nhận số tiền 160.582.125 đồng.

Ông Nguyễn Văn B1 chết ngày 21/12/2022, thời điểm mở thừa kế là ngày 21/12/2022, hàng thừa kế thứ nhất của ông B1 gồm bà Võ Thị T3, chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4 được hưởng kỹ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn B1.

Ông Nguyễn Văn H4 chết ngày 18/7/2018, thời điểm mở thừa kế là ngày 18/7/2018, hàng thừa kế thứ nhất của ông H4 là anh Phan Văn T5 được hưởng kỹ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn H4. Bà Phan Thị T6 (mẹ ruột của anh Phan Văn T5) trình bày anh T5 là con chung của bà T6 với ông H4 nhưng giữa bà T6 và ông H4 không phải vợ chồng, không đăng ký kết hôn, bà T6 không yêu cầu hưởng thừa kế kỹ phần thừa kế của ông H4 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị đơn yêu cầu chia di sản của cụ C cho 11 kỹ phần (không chia cho cụ H5) là không phù hợp với quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H5 theo di chúc, Hội đồng xét xử xét thấy:

“Tờ di chúc” của cụ H5 lập ngày 01/9/2016 tại Phòng C1, số công chứng 3123, quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD có hình thức và nội dung phù hợp pháp luật. Thời điểm lập di chúc cụ H5 vẫn còn minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép. Nội dung di chúc như sau: *“Sau khi tôi qua đời thì toàn bộ quyền sử dụng đất của tôi trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất 34, tờ bản đồ số 5, có diện tích 497,1m² tọa lạc tại Thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (có giấy tờ và hiện trạng như trên), tôi sẽ để lại cho con gái tôi là Nguyễn Thị G... được trọn quyền thừa kế”*. Tại phiên toà các đương sự không ai phản đối di chúc này, nên di chúc ngày 01/9/2016 do cụ H5 lập là di chúc hợp pháp theo quy định tại Điều 630, Điều 631, Điều 636 Bộ luật Dân sự. Căn cứ vào nội dung di chúc thì bà G được hưởng di sản của cụ H5 gồm phần tài sản của cụ H5 trong khối tài sản chung với cụ C và kỹ phần thừa kế cụ H5 được hưởng của cụ C là 1.926.985.000 đồng + 160. 582.125 đồng = 2.087.567.125 đồng.

Tại phiên toà các đương sự thống nhất đề bà G nhận toàn bộ thửa đất 34, tờ bản đồ số 5, diện tích 497,1m² (đo thực tế 460,5m² trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 160,5m² đất cây lâu năm) tại địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử chia cho bà G thửa đất này. Bà G được

quyền đăng ký kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quyết định của bản án.

- Đối với số tiền tiết kiệm là di sản của cụ H5 chết để lại, nhận thấy:

Cụ Hai chết ngày 26/12/2022, thời điểm mở thừa kế là ngày 26/12/2022. Đối với số tiền này cụ H5 không để lại di chúc, các đương sự thống nhất chia di sản này của cụ H5 thành 11 kỷ phần bằng nhau cho 11 người con của cụ H5, mỗi kỷ phần được nhận 153.208.390 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm chín mươi đồng) là phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Nguyễn Văn B1 chết ngày 21/12/2022 không để lại di chúc nên hàng thừa kế thế vị của ông B1 gồm chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4 được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn B1.

Ông Nguyễn Văn H4 chết ngày 18/7/2018 không để lại di chúc nên hàng thừa kế thế vị của ông H4 là anh Phan Văn T5 được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn H4.

[3]. Về chi phí tố tụng: Bà G đã nộp tạm ứng chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản, tổng cộng 26.500.000 đồng. Bà G yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn trả chi phí tố tụng bà G đã nộp tạm ứng là có căn cứ phù hợp pháp luật. Như vậy, số tiền trên sẽ được chia đều cho 11 người, mỗi người phải chịu 2.409.090 đồng. Bà G phải chịu 2.409.090 đồng, các đồng thừa kế của bà G mỗi người phải hoàn trả cho bà G 2.409.090 đồng.

Từ những nhận định như đã nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

[4]. Về án phí: Các đương sự được nhận thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với giá trị tài sản được nhận.

Riêng bà T6 và bà T3 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên bà T6 và bà T3 được miễn án phí theo quy định.

Ông H1 là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí nên không thuộc trường hợp được miễn án phí.

[5]. Xét ý kiến tranh luận của Luật sư và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Điều 37 và Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 156, khoản 2 Điều 157, Điều 164, khoản 2 Điều 165, Điều 244, các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 609, Điều 612, Điều 613, Điều 614, khoản 1 Điều 623, Điều 624, 630, Điều 631, Điều 636, Điều 643, Điều 649, Điều 651, Điều 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị G.

1.1. Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Phạm Thị C chết để lại là thửa đất số 34, tờ bản đồ số 5, diện tích 497,1m² (đo đạc thực tế 460,5m² trong đó có 300m² đất ở đô thị và 160,5m² đất cây lâu năm) tại địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00536 ngày 16/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H5.

1.2. Xác định di sản của cụ Nguyễn Văn H5 là 02 sổ tiết kiệm do cụ Nguyễn Văn H5 làm chủ tài khoản gửi tại Ngân hàng N – Chi nhánh G gồm:

+ Sổ số: AD00019830306, ngày gửi 06/6/2022, số tiền gửi 100.000.000 đồng, lãi đến thời điểm ngày 25/3/2025 là 8.006.000 đồng.

+ Sổ số: AD00019830307, ngày gửi 06/06/2022, số tiền gửi 1.400.000.000 đồng, lãi đến thời điểm ngày 25/3/2025 là 177.286.300 đồng.

Tổng số tiền gốc và lãi của 02 sổ tính đến ngày 25/3/2025 là: 1.685.292.300 đồng (Một tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm ngàn đồng).

1.3. Chia di sản của cụ Nguyễn Văn H5 và cụ Phạm Thị C cho các đồng thừa kế như sau:

- Chia cho bà Nguyễn Thị G được trọn quyền sử dụng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 5, diện tích 497,1m² (đo đạc thực tế 460,5m², trong đó có 300m² đất ở đô thị và 160,5m² đất cây lâu năm) tại địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00536 ngày 16/02/2004 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho hộ ông Nguyễn Văn H5.

Bà Nguyễn Thị G được quyền đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 34, tờ bản đồ 5, diện tích 497,1m² (đo đạc thực tế 460,5m² trong đó có 300m² đất ở nông thôn và 160,5m² đất cây lâu năm) tại địa chỉ: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo quyết định của bản án (có sơ đồ đất kèm theo).

- Bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ chia giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tiến E1, bà Nguyễn Thị Gái E, ông Nguyễn Quốc T1, ông Nguyễn Văn H4 mỗi người được nhận số tiền 160.582.125 đồng (Một trăm sáu mươi triệu, năm trăm tám mươi hai ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng).

Ông Nguyễn Văn B1 chết, bà Võ Thị T3, chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4 được nhận kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn B1.

Ông Nguyễn Văn H4 chết, anh Phan Văn T5 được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn H4.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm thi hành án.

1.4. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H5 là số tiền tiết kiệm gửi tại Ngân Hàng N - Chi nhánh G, Tiền Giang theo 02 sổ số: AD00019830306, ngày gửi 06/6/2022, số tiền gửi 100.000.000 đồng, lãi đến thời điểm ngày 25/3/2025 là 8.006.000 đồng và sổ số: AD00019830307, ngày gửi 06/06/2022, số tiền gửi 1.400.000.000 đồng, lãi đến thời điểm ngày 25/3/2025 là 177.286.300 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi của 02 sổ tính đến ngày 25/3/2025 là: 1.685.292.300 đồng (Một tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, ba trăm ngàn đồng) cho các đồng thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tiến E1, bà Nguyễn Thị G, bà Nguyễn Thị Gái E, ông Nguyễn Quốc T1, ông Nguyễn Văn B1 và ông Nguyễn Văn H4 mỗi người được nhận một kỷ phần thừa kế là 153.208.391 đồng (Một trăm năm mươi ba triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, ba trăm chín mươi một ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn B1 chết, chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4 được nhận kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn B1.

Ông Nguyễn Văn H4 chết, anh Phan Văn T5 được hưởng kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn H4.

Tiền lãi của 02 sổ tiết kiệm sẽ được tiếp tục tính từ ngày 26/3/2025 cho đến khi thi hành án xong và tiếp tục chia thành 11 kỷ phần cho các đồng thừa kế nêu trên.

2. Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tiến E1, bà Nguyễn Thị Gái E, ông Nguyễn Quốc T1, anh Phan Văn T5 (thừa kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn H4) có nghĩa vụ hoàn trả chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị G với số tiền của mỗi người phải hoàn trả là 2.409.090 đồng (Hai triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín chục đồng).

Bà Võ Thị T3, chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4 (thừa kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn B1) có nghĩa vụ liên đới hoàn trả chi phí tố tụng cho bà Nguyễn Thị G số tiền 2.409.090 đồng (Hai triệu, bốn trăm lẻ chín ngàn, không trăm chín chục đồng).

3/- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 80.026.000 đồng (Tám mươi triệu, không trăm hai mươi ngàn đồng). Bà G đã nộp 6.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000002 ngày 07/11/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang

nên còn phải nộp tiếp số tiền 73.776.000 đồng (Bảy mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn đồng).

Ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn Q, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Tiến E1, bà Nguyễn Thị Gái E, ông Nguyễn Quốc T1, anh Phan Văn T5 (thừa kế của ông Nguyễn Văn H4) mỗi người phải chịu 15.689.000 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm tám mươi chín **ngàn** đồng).

Chị Nguyễn Thị Mỹ H2, chị Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị T4 (thừa kế chuyển tiếp của ông Nguyễn Văn B1) có nghĩa vụ liên đới chịu án phí 11.766.750 đồng (Mười một triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, bảy trăm năm **muôi** đồng).

Bà Võ Thị T3 và bà Nguyễn Thị T2 được miễn toàn bộ án phí.

4/- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Ngân hàng N – Chi nhánh G tỉnh Tiền Giang được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy